

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP

Ngày 31/03/2025	7,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	13.8%	15.6%

DT thuần Q1/25
324
tỷ VNĐ
QoQ: ▼171 -34.5%
YoY: ▲ 2.00 0.7%

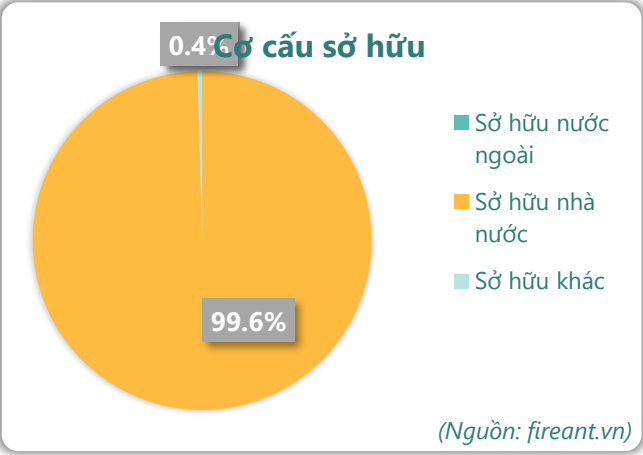
LN thuần Q1/25
5.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.56 35.4%
YoY: ▲ 3.83 179%

LN sau thuế Q1/25
1.92
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.15 8.5%
YoY: ▲ 0.99 107%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
4.1%
YoY: +/-▲ 1.4%

ROE (TTM) Q1/25
0.5%
YoY: +/-▲ 0.1%

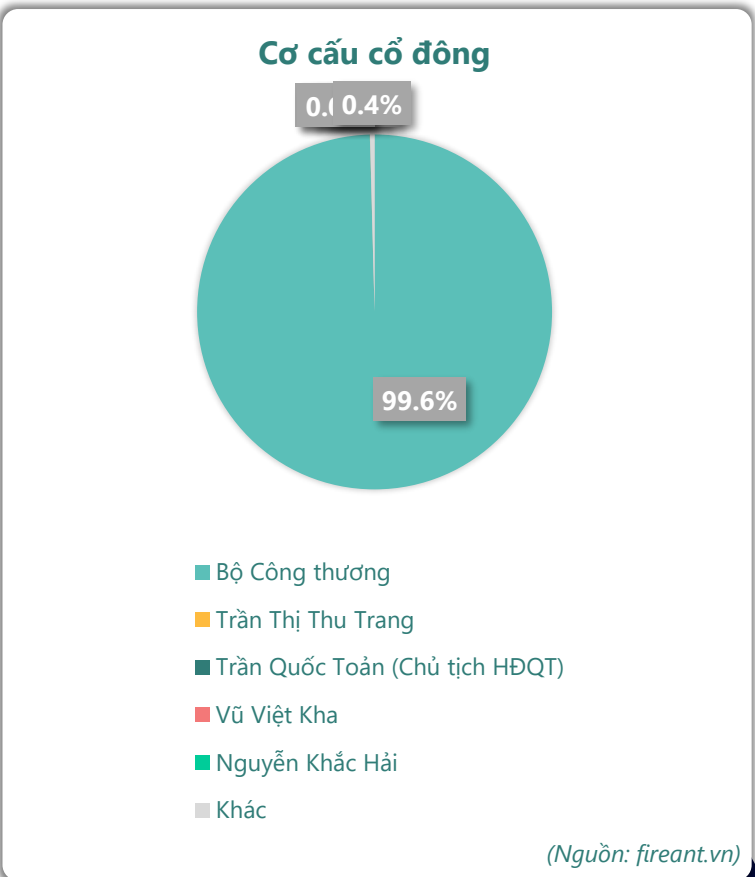
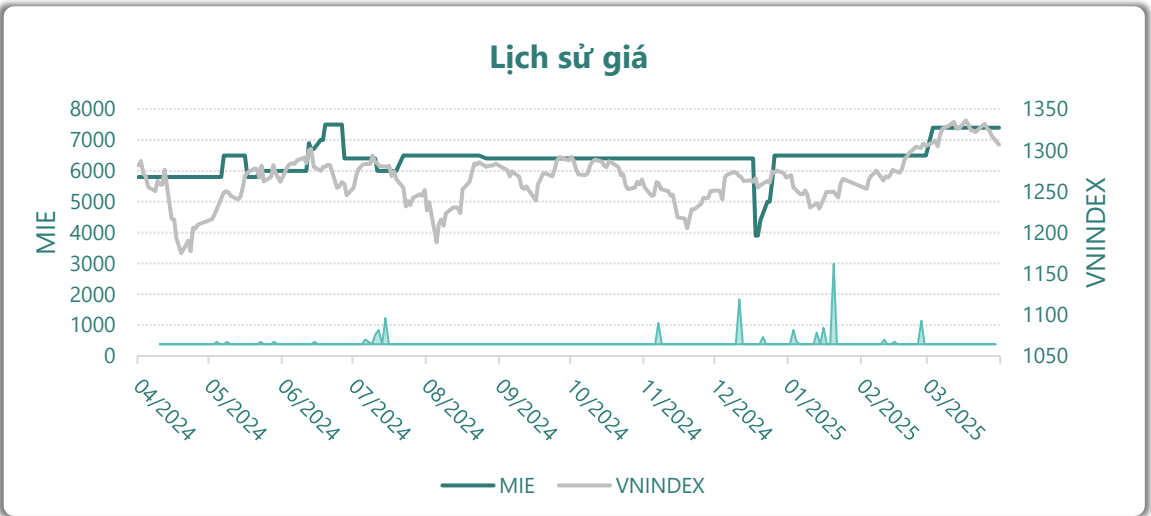
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,900 - 7,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,051
Số lượng CPLH (CP)	141,991,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.18
EPS	53
P/E	140.0



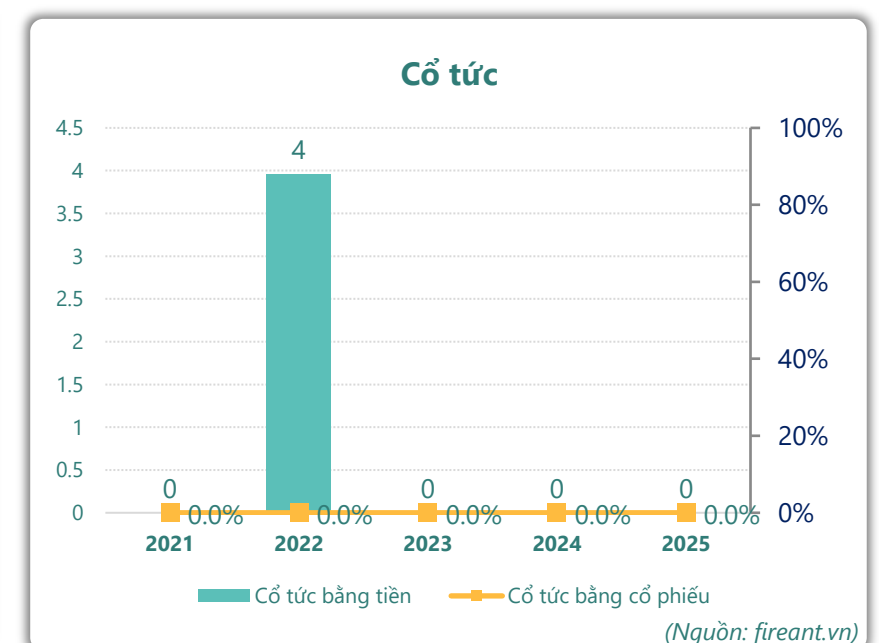
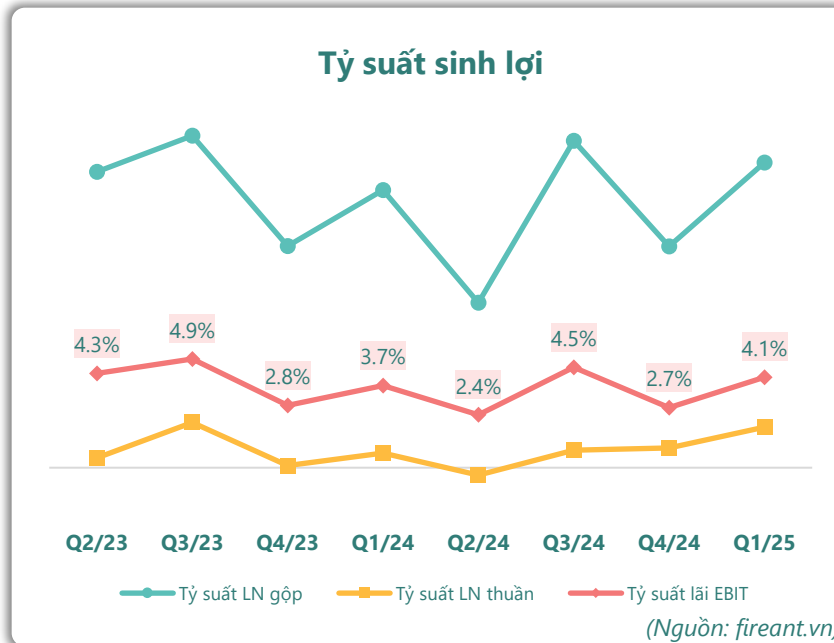
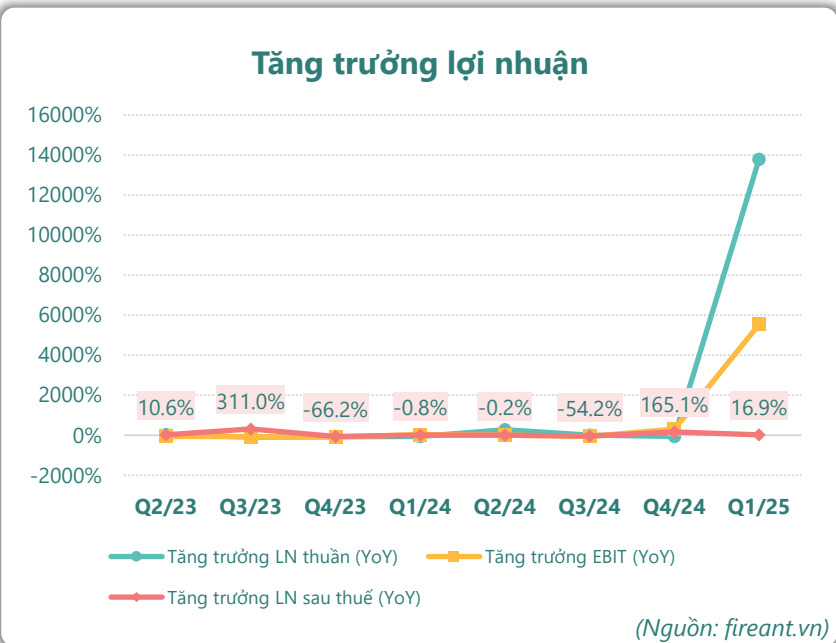
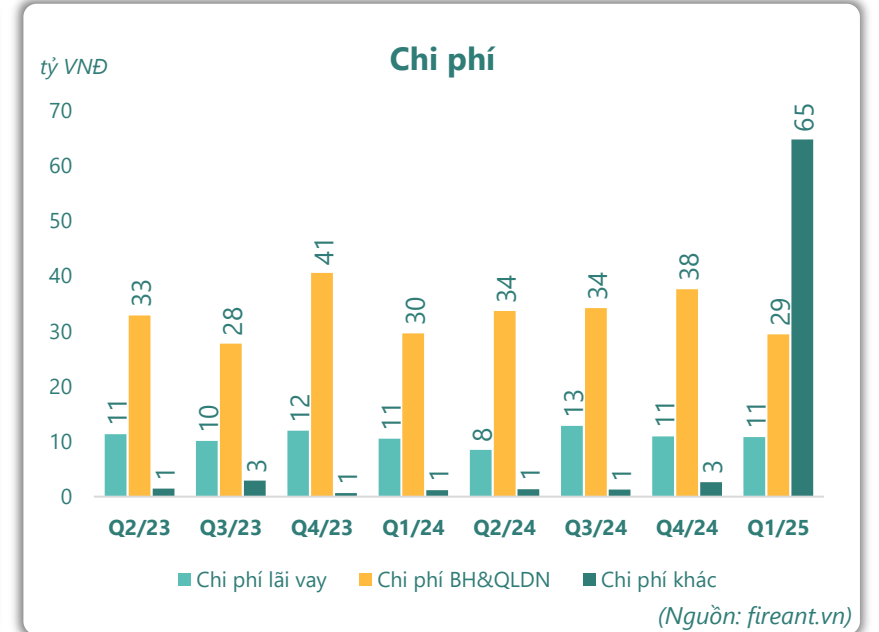
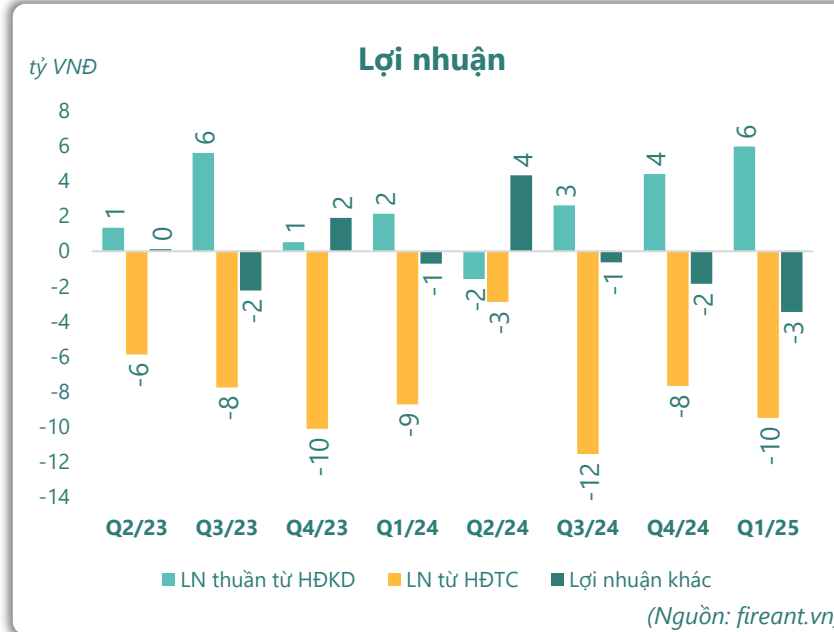
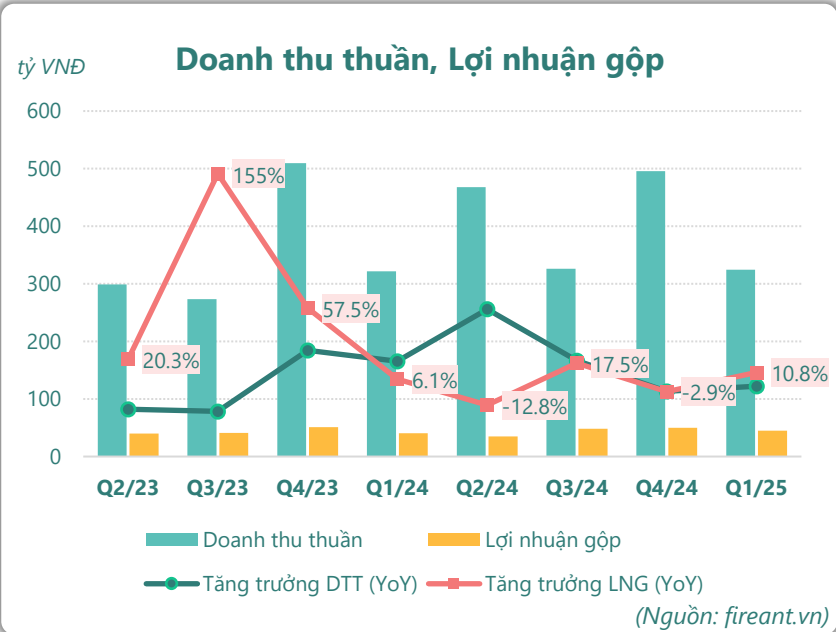
DT thuần 2024
1,614
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 262 19.4%

LN thuần 2024
7.90
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.70 -8.2%

LN sau thuế 2024
7.56
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.01 15.4%



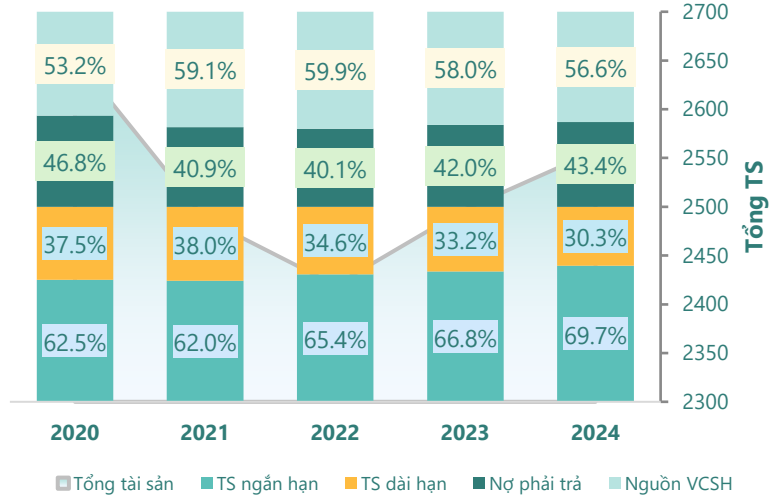
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

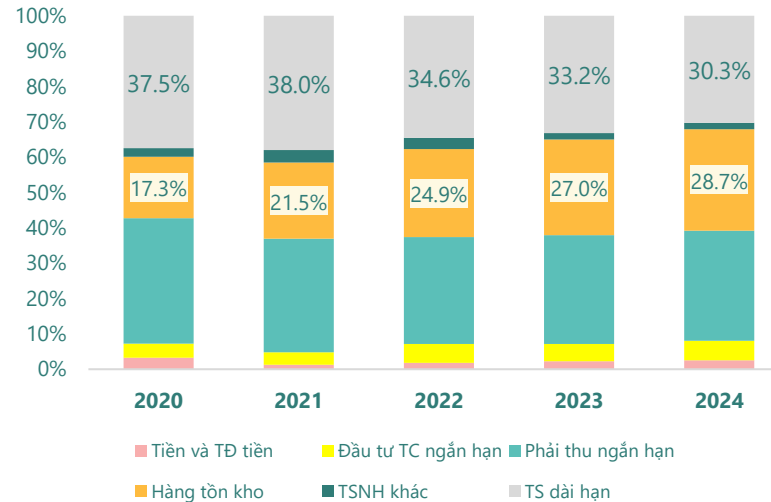
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

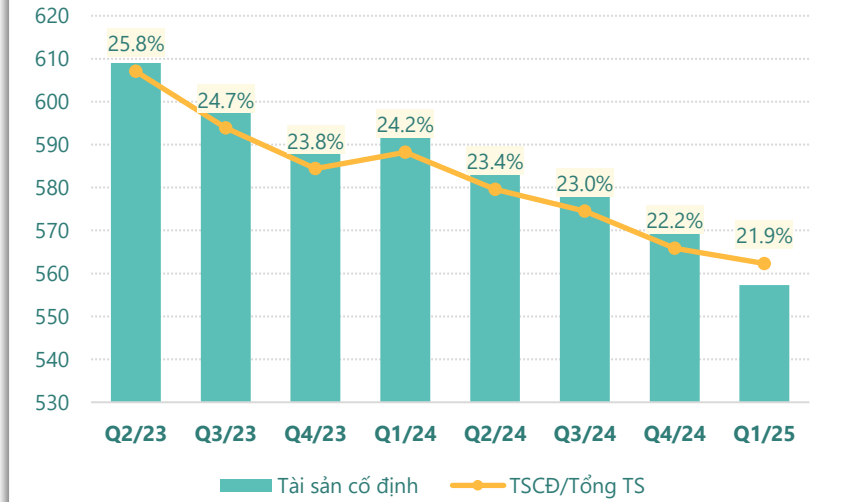
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

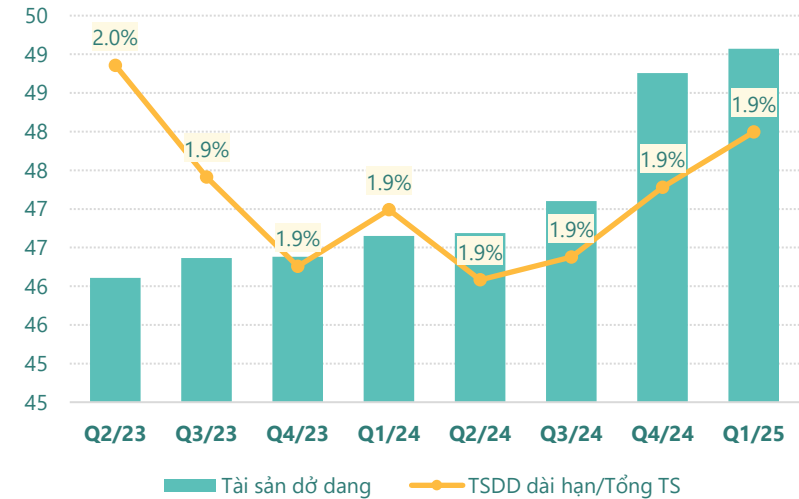
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

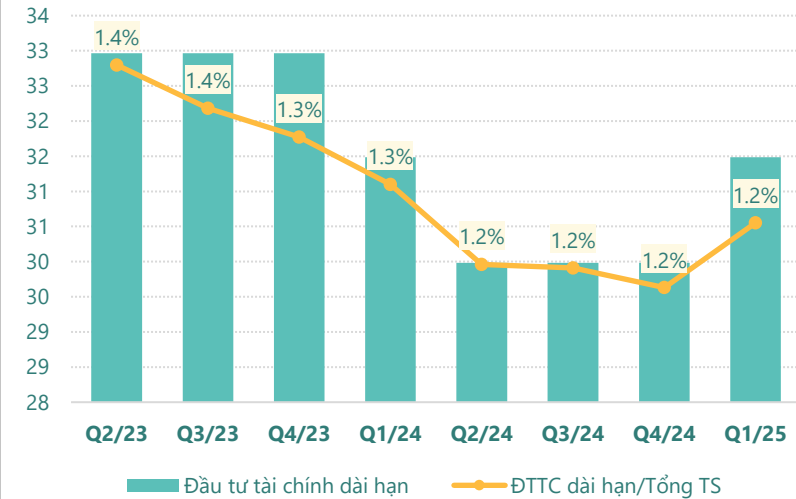
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

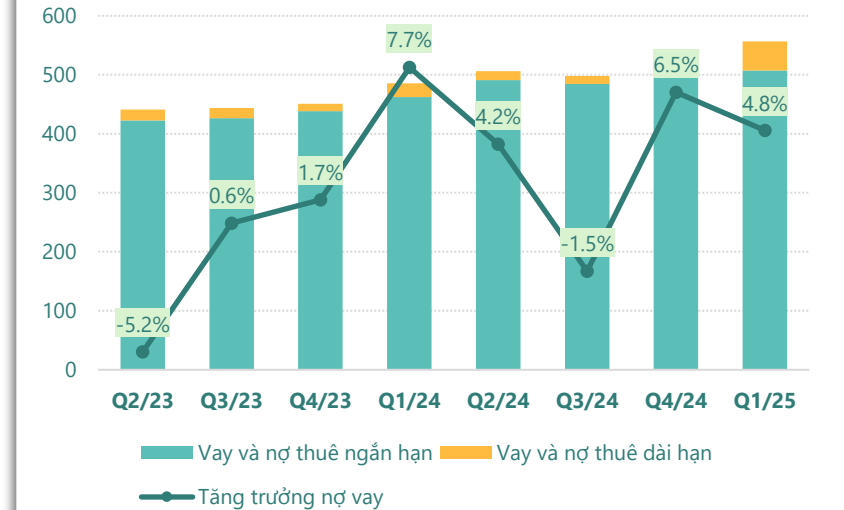
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

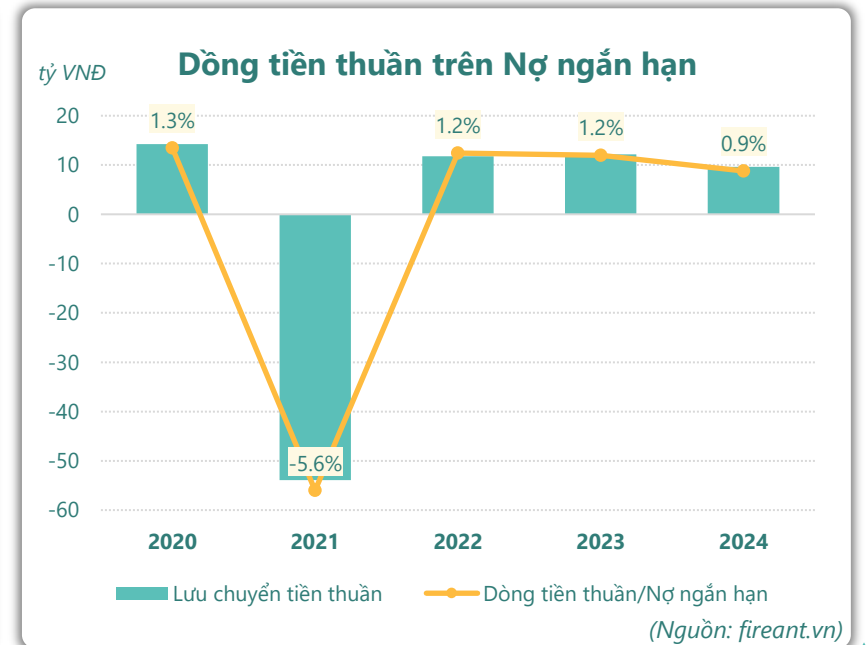
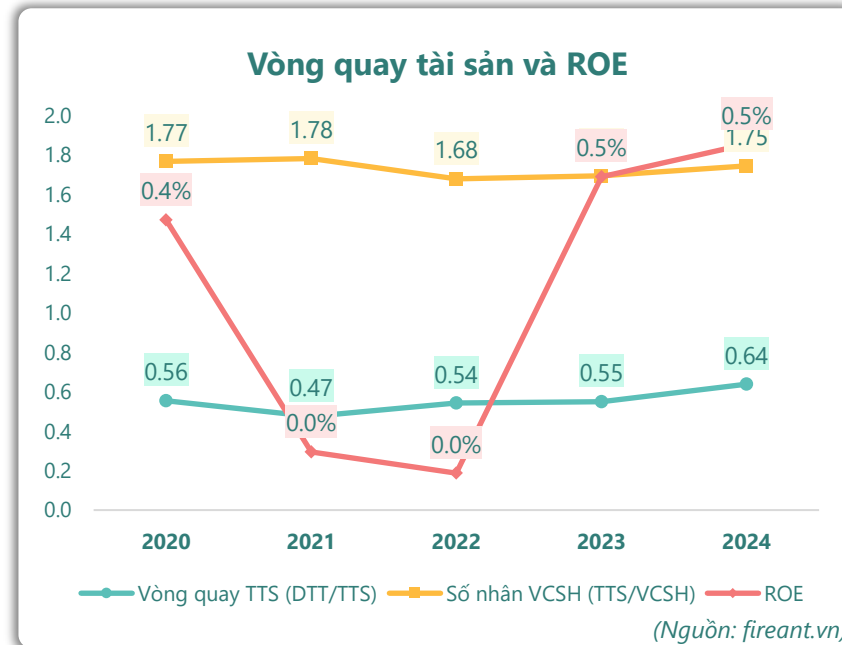
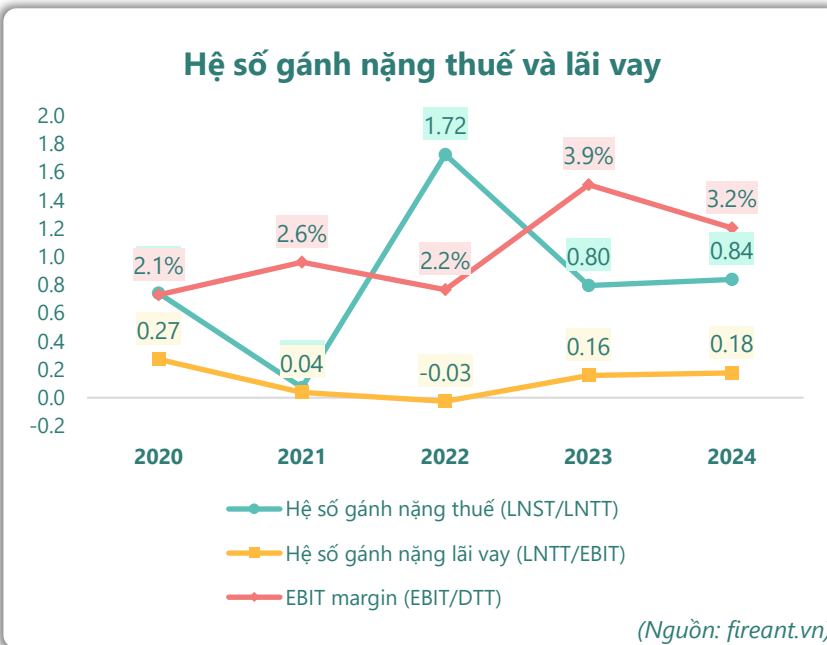
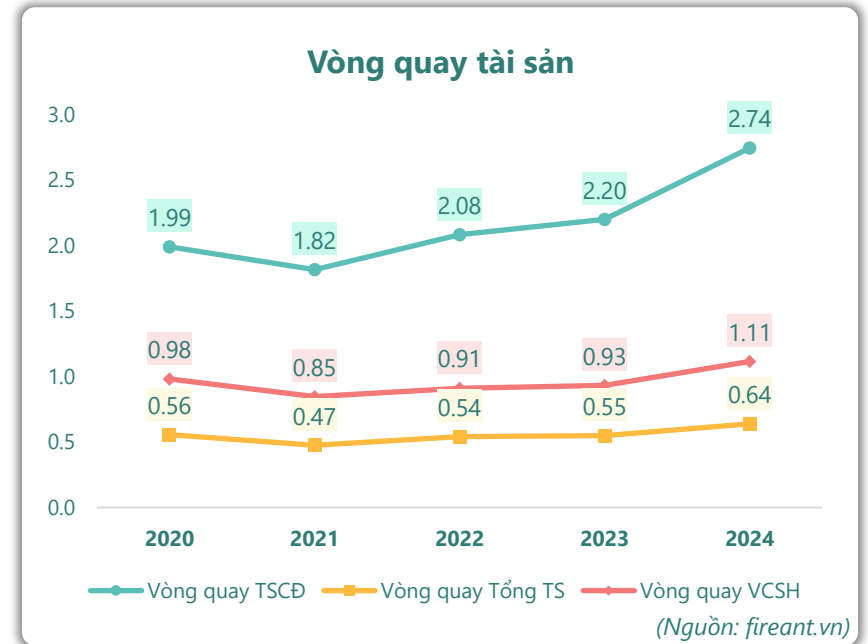
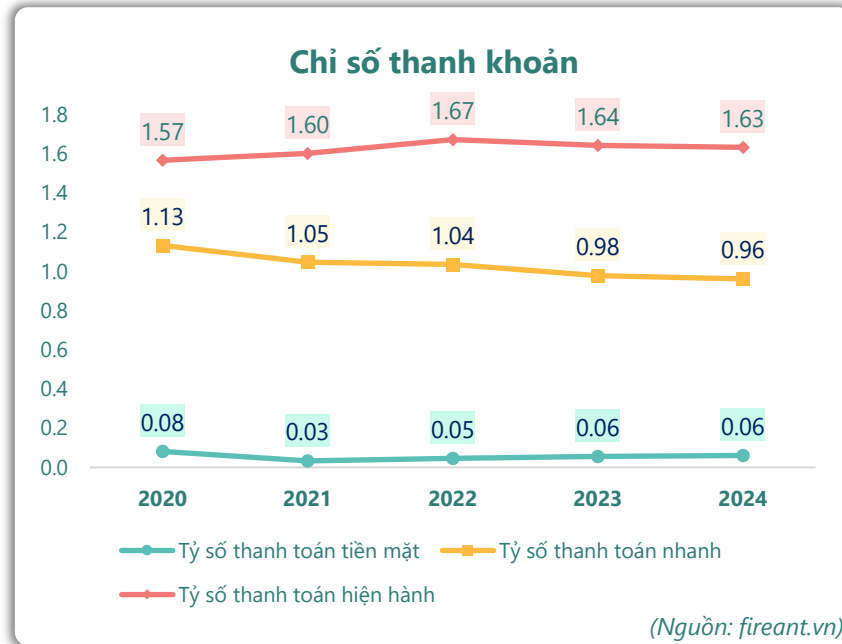
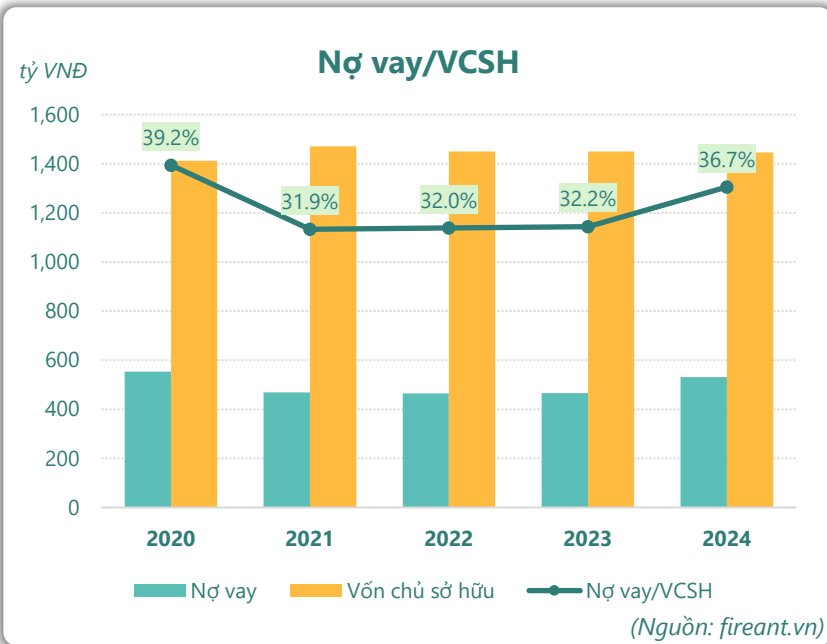
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	324	322	0.7%	1,614	1,352	19.4%
Giá vốn hàng bán	279	281	-0.6%	1,446	1,180	22.6%
Lợi nhuận gộp	44.9	40.5	10.9%	168	172	-2.5%
Doanh thu HĐTC	1.57	1.84	-14.6%	17.4	12.1	43.7%
Chi phí TC	11.1	10.6	4.5%	43.1	45.0	-4.2%
Chi phí lãi vay	10.8	10.5	2.9%	42.5	44.3	-4.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	3.23	2.21	46.0%	13.9	8.96	55.7%
Chi phí QLDN	26.2	27.5	-4.6%	120	122	-1.2%
LN thuần từ HĐKD	5.97	2.14	179%	7.90	8.60	-8.2%
Lợi nhuận khác	-3.46	-0.71	-387%	1.13	-0.37	405%
LN trước thuế	2.51	1.43	75.8%	9.02	8.23	9.6%
Lợi nhuận sau thuế	1.92	0.93	107%	7.56	6.55	15.4%
LNST của CĐ cty mẹ	1.77	1.04	70.6%	7.96	7.13	11.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.54	-23.0	-27.4	7.85	-2.32	-86.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	21.7	-3.00	5.81	9.02	-20.1	52.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.92	23.1	16.4	-0.70	24.5	24.7
Tiền đầu kỳ	33.4	55.9	53.2	48.0	64.3	65.8
Lưu chuyển tiền thuần	20.3	-2.81	-5.20	16.2	2.07	-9.86
Ảnh hưởng tỷ giá	0.09	0.06	0.07	0.11	0.50	0.04
Tiền cuối kỳ	53.9	53.2	48.0	64.3	66.9	56.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,548	2,557	-0.4%
Tài sản ngắn hạn	1,790	1,783	0.3%
Tiền và tương đương tiền	56.0	65.8	-14.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	157	141	11.3%
Phải thu ngắn hạn	777	796	-2.4%
Hàng tồn kho	758	733	3.4%
Tài sản ngắn hạn khác	41.9	47.8	-12.3%
Tài sản dài hạn	758	774	-2.0%
Phải thu dài hạn	3.67	1.58	132%
Tài sản cố định	557	569	-2.1%
Bất động sản đầu tư	25.7	25.6	0.2%
Tài sản dở dang	49.1	47.7	2.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	31.5	31.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	91.3	97.7	-6.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,101	1,111	-0.9%
Nợ ngắn hạn	1,045	1,092	-4.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	507	519	-2.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	281	286	-2.0%
Nợ dài hạn	56.6	18.6	205%
Vay và nợ thuê dài hạn	49.4	12.3	300%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,447	1,446	0.1%
Vốn chủ sở hữu	1,447	1,446	0.1%
Vốn điều lệ	1,419	1,419	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0.07	-100%

(Nguồn: fireant.vn)

